



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 08.2015

Được phát hành vào ngày 10/09/2015



MỤC LỤC

Kinh Tế Vĩ Mô Và Thị Trường Chứng Khoán Tháng 08/2015

Kinh Tế Vĩ Mô

Thị Trường Chứng Khoán

Tình Hình Hoạt Động Và Đầu Tư Của Quỹ

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ Đầu Tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 8/2015

KINH TẾ VĨ MÔ CÙNG CÓ XU THẾ ỔN ĐỊNH

Trước các biến động trong tháng 8 liên quan tới tỷ giá và thị trường chứng khoán, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục củng cố xu thế phục hồi và ổn định. Các thông tin từ Chính phủ cho thấy các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế trong năm 2015 vẫn tiếp tục được duy trì. Dự kiến tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2015 đạt mức 6,2% như mục tiêu đã đề ra. Tăng trưởng chỉ số sản xuất công nghiệp tới hết tháng 8 đạt 9.9% so với cùng kỳ 2014. Tổng lượng hàng hóa bán lẻ tăng 9,1% (đã loại trừ yếu tố giá) so với cùng kỳ năm trước và là mức tăng so với cùng kỳ cao nhất trong 5 năm gần đây. Việc ra nhập các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ tạo tiền đề và động lực lớn cho việc phát triển mạnh của kinh tế Việt Nam trong các năm tới. Hiện nay Việt Nam đã ra nhập hoặc đang thương lượng 15 hiệp định thương mại tự do.

ĐIỀU CHỈNH TỶ GIÁ GIỮA VND VÀ USD

Sự kiện vĩ mô chính trong tháng 8 là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) điều chỉnh tỷ giá giữa VND và USD. Việc điều chỉnh được thực hiện bằng việc mở rộng biên độ giá dịch từ 1% lên 2% vào ngày 13/8 và việc giảm giá đồng Việt Nam thêm 1% đồng thời với mở rộng biên độ giao dịch từ 2% lên 3% vào ngày 19/8/2015. Các điều chỉnh này nhằm đối phó với việc Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ và khả năng tăng lãi suất đồng USD của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED). Sau các điều chỉnh này, thị trường đã có các biến động. Tuy nhiên SBV đã thực hiện cam kết về việc ổn định tỷ giá (bán ngoại tệ để ổn định thị trường) và thị trường đã ổn định lại trong đầu tháng 9. SBV cũng thông báo sẽ không tiếp tục giảm giá đồng Việt Nam cho tới hết năm 2015.

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TĂNG TRƯỞNG TỐT

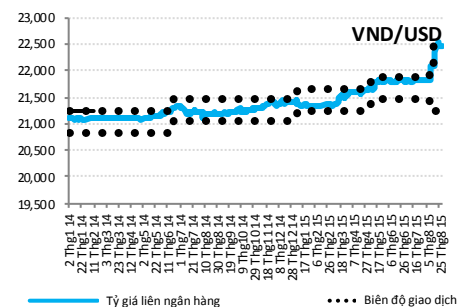
Thống kê cho thấy tới hết tháng 8/2015, tín dụng của toàn bộ hệ thống ngân hàng tăng 10,23% so với cuối năm 2014. Mức tăng này tương đương với mức tăng trưởng 19,18% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng so với cùng kỳ này cũng cao hơn mục tiêu đặt ra là 17% tăng trưởng tín dụng cho cả năm 2015 và cao hơn đáng kể so với mức tăng bình quân cho giai đoạn 2011-2014. Sự tăng trưởng tín dụng ấn tượng này có nguyên nhân từ sự phục hồi rõ ràng của nền kinh tế và lĩnh vực bất động sản. Tuy nhiên tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) của toàn hệ thống vẫn ở mức nhỏ hơn 85% là mức an toàn và thấp hơn đáng kể so với mức trên 90% vào những thời điểm tăng trưởng tín dụng nóng trong giai đoạn 2009-2012.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY ỔN ĐỊNH

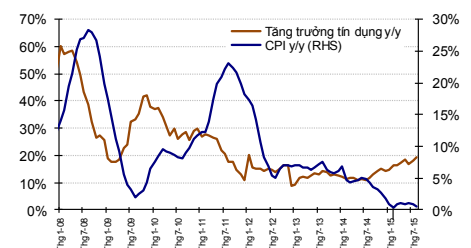
Quan sát cho thấy có sự thay đổi tăng lãi suất huy động cho kỳ hạn ngắn tại một số ngân hàng. Tuy nhiên lãi suất huy động bình quân các kỳ hạn trên toàn bộ thị trường và lãi suất cho vay bình quân không có sự thay đổi trong tháng 8 so với các tháng trước đó. Lãi suất tiền gửi bình quân các kỳ hạn từ không kỳ hạn tới 60 tháng không thay đổi và giữ ở mức 5,79%. Lãi suất cho vay bình quân các kỳ hạn giảm từ mức 9,7% trong tháng 7 xuống 9,55% trong tháng 8, phản ánh thực tế là lãi suất cho vay giảm ở các kỳ hạn ngắn. Việc ổn định lãi suất huy động và cho vay có sự hỗ trợ lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

BIỂU ĐỒ

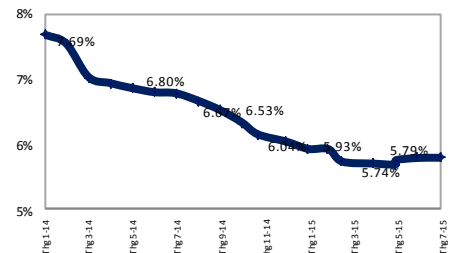
Việt Nam và Các đối tác FTA



Tăng trưởng tín dụng so với CPI (y/y)



Lãi suất tiền gửi trung bình VND



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 8/2015

ẢNH HƯỞNG BỞI TRUNG QUỐC PHÁ GIÁ NHÂN DÂN TỆ, THỊ TRƯỜNG GIẢM ĐIỂM MẠNH

Tháng 8 của năm 2015 vừa khép lại với diễn biến rất tiêu cực về điểm số. Những nhóm cổ phiếu Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán và các cổ phiếu Blue-chip khác bị bán mạnh khiến thị trường mất điểm mạnh và đã có thời điểm thị trường giảm về mức 511 điểm. Việc giảm điểm của thị trường bị ảnh hưởng bởi: i) Trung Quốc liên tục phá giá đồng Nhân dân tệ; ii) Ngân hàng Nhà Nước tăng biên độ tỷ giá; iii) Giá dầu tiếp tục sụt giảm. Kết thúc tháng 8 năm 2015, VN-Index đóng cửa tại 564.75 điểm, giảm 56.31 điểm, tương đương giảm 9,07% so với cuối tháng 7 năm 2015. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt gần 2,5 tỷ cổ phiếu giảm 20,9% so với tháng 7. Giá trị giao dịch đạt gần 44,2 ngàn tỷ đồng giảm 23% so với tháng 7 năm 2015.

Thị trường đã có 13 ngày giao dịch giảm điểm đã lấy mất đi 20,36% điểm số VN-Index, và 8 ngày giao dịch tăng điểm giúp VN-Index phục hồi lại được 11,29%. Mặc dù thị trường bị giảm sâu nhưng vẫn có tín hiệu đáng mừng từ lượng cầu bắt đáy của các nhà đầu tư trong nước lẫn nước ngoài tập trung vào những cổ phiếu dẫn dắt như Ngân hàng, chứng khoán và một số cổ phiếu Blue-chip khác, cộng thêm những cổ phiếu dòng dầu khí tăng trở lại khi giá dầu thế giới phục hồi trở lại. Những cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm như: VNM (giúp VN-Index tăng 0,22%), SSI và CTD (giúp VN-Index tăng 0,04%), HCM (giúp VN-Index tăng 0,03%), BMP và HRC (giúp VN-Index tăng 0,02%). Ngược lại, những cổ phiếu làm VN-Index giảm điểm gồm có VCB (làm VN-Index giảm 1,67%), GAS (làm VN-Index giảm 1,63%), CTG (làm VN-Index giảm 1,02%), MSN (làm VN-Index giảm 0,63%) và BVH (làm VN-Index giảm 0,35%).

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CŨNG PHÁ GIÁ THEO TRUNG QUỐC LÀM GIẢM LÒNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Thông tin Ngân hàng nhà nước Việt Nam nới biên độ tỷ giá từ +/- 2% lên +/- 3% và làm cho tỷ giá tăng thêm 1% đã ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư nước ngoài và khiến nhóm nhà đầu tư này bán mạnh các cổ phiếu Blue-chip. Bên cạnh đó là việc Quỹ ETF liên tục bị thoái vốn cũng khiến cho giao dịch của khối ngoại tiêu cực. Tháng 8, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 372 tỷ đồng trên sàn HOSE sau 4 tháng mua ròng liên tiếp. Trên sàn HOSE, nhà đầu tư nước ngoài bán ra mua vào gần 6,338 tỷ đồng trong khi đó mua vào gần 6,061 tỷ đồng, tập trung mua ròng những cổ phiếu như NT2 (220 tỷ đồng), SSI (132 tỷ đồng), BID (121 tỷ đồng), E1VFN30 (97 tỷ đồng), DXG (58 tỷ đồng). Bên cạnh đó, các cổ phiếu bị bán ròng mạnh như HAG (-228 tỷ đồng), VCB (-160 tỷ đồng), VIC (-159 tỷ đồng), SBT (-149 tỷ đồng) và KBC (-127 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhà đầu tư nước ngoài cũng bán ròng trở lại 86,4 tỷ đồng sau 4 tháng mua ròng liên tiếp. CEO được mua ròng 44 tỷ đồng, PVB (17 tỷ đồng), NDN (15 tỷ đồng) và PLC (11 tỷ đồng), trong khi đó bán ròng mạnh các cổ phiếu PVS (-148 tỷ đồng), VNC (-17 tỷ đồng), IVS (-16 tỷ đồng) và BCC (-12 tỷ đồng).

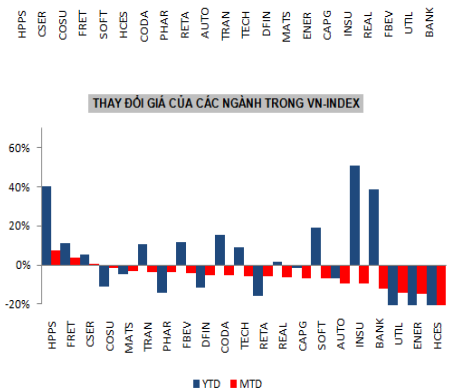
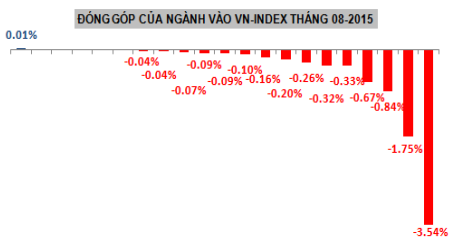
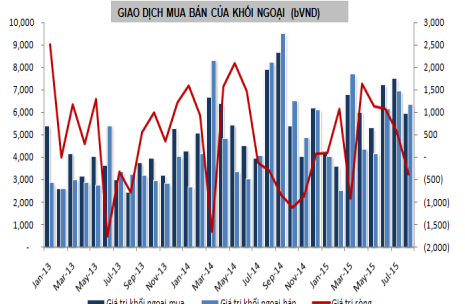
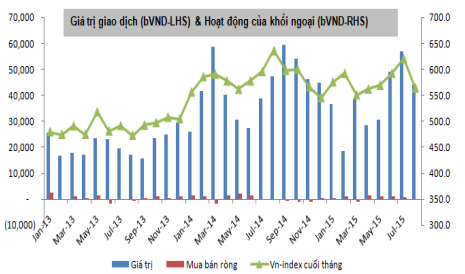
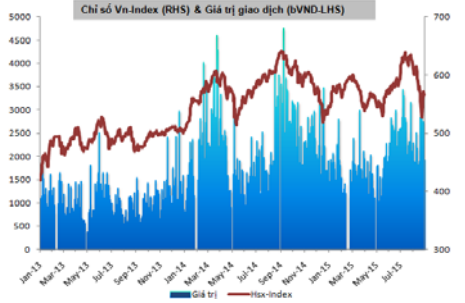
Về hoạt động của 2 Quỹ ETFs: Kết thúc tháng 8, Quỹ Market Vectors Vietnam ETF (VNM) bị rút vốn 38 triệu USD, ngược lại Quỹ DB X-Tracker FTSE Vietnam Index ETF thu hút vốn gần 12,4 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG DAO ĐỘNG NHỎ TRONG NGẮN HẠN, KHÔNG CÓ NHIỀU ĐỘNG LỰC ĐỂ TĂNG CŨNG NHƯ GIẢM ĐIỂM MẠNH

Thị trường trong tháng 8 chứng kiến một đợt giảm mạnh và đã chính thức tạo đáy tại điểm VN-Index 511. Thị trường đang thiết lập một mặt bằng giá mới khi nhiều cổ phiếu đã giảm điểm mạnh. Trong tháng 9 vẫn còn đó nhiều nỗi lo như: bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế Trung Quốc, giá dầu giảm, ECB tuyên bố điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng 2015-2017, Chỉ số PMI của Việt Nam đã suy yếu, sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến việc phục hồi của thị trường. Trong tháng 8, điểm số VN-Index giảm với sự suy yếu của thanh khoản cho thấy dòng tiền không mấy tích cực tham gia vào thị trường.

Điều cần thiết hỗ trợ thị trường trong ngắn hạn là: i) Dòng tiền quay trở lại thị trường khi các cổ phiếu đang ở mặt bằng giá thấp, tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt thị trường như Ngân hàng, chứng khoán và dầu khí (khi giá dầu thế giới hồi phục); ii) Động thái mua trở lại của nhà đầu tư nước ngoài khi Nghị định 60/2015/NĐ-CP về nới room đã bắt đầu có hiệu lực. Về phân tích kỹ thuật, VN-Index đang được hỗ trợ ngắn hạn tại vùng điểm 550 tương ứng với ngưỡng Fibonacci Retracement 38,2%, Chúng tôi dự đoán VN-Index trong tháng 9 sẽ dao động quanh vùng điểm 550-580 tương ứng với ngưỡng Fibonacci Retracement 38,2%-61,8%, tích lũy để tạo đà phục hồi trở lại.

BIỂU ĐỒ



QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Tháng 8 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTSI, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VND)	692.2
Số lượng CCQ đang lưu hành	31,101,041.4
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VND)	23,973.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VND)	19,207.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	80.2

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 8, nhiều thị trường chứng khoán giảm điểm mạnh do một loạt các sự kiện xảy ra, nổi bật là việc Trung Quốc phá giá đồng NDT hơn 4.8% kể từ ngày 12/8, lo ngại về tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới, kéo theo các loại hàng hóa giao dịch đều giảm; giá dầu WTI cũng lao dốc xuống mức xấp xỉ 38 đô la/thùng, từ mức khoảng 53 đô la hồi đầu năm. Thị trường Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Trong tháng có lúc VN-Index giảm về mức 511 điểm, thấp hơn cả mức hồi đầu năm, và phục hồi vào cuối tháng.

Nhằm giữ được mức tăng trưởng, quỹ VF1 đã tăng tỷ trọng tiền và tương đương tiền lên khoản 25% NAV so với 17% của tháng trước. Tuy bị ảnh hưởng chung của thị trường nhưng nhờ tỷ trọng tiền mặt chiếm ¼ danh mục và một vài cổ phiếu tốt đi ngược lại xu hướng chung, ghi nhận tăng trưởng dương, điển hình như VNM (+3.5%), và NT2 (+1.9%), và BMP (+5.9%) nên VF1 giảm 5.1%, trong khi VN-Index giảm đến 9.1% trong tháng 8.

Lũy kế từ đầu năm, VF1 có tăng trưởng 7.2%, hiện cao hơn 3.7% so với mức tăng của VNIndex là 3.5%.

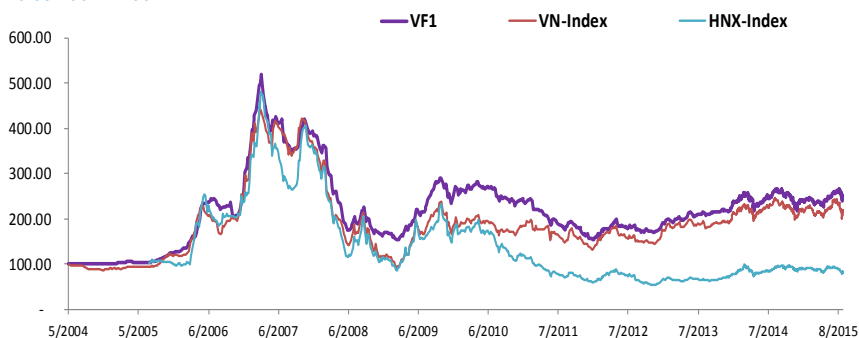
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	22,256.1	(5.1)	3.5	7.2	(6.1)	149.6 (*)
VN-Index	564.8	(9.1)	(0.8)	3.5	(11.3)	115.9
HNX-Index	76.9	(9.7)	(7.6)	(7.3)	(11.6)	(23.1)

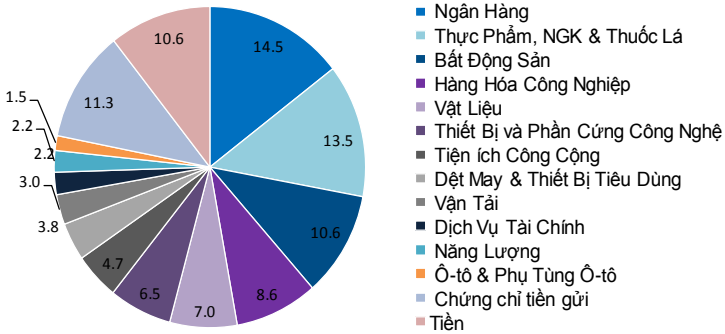
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



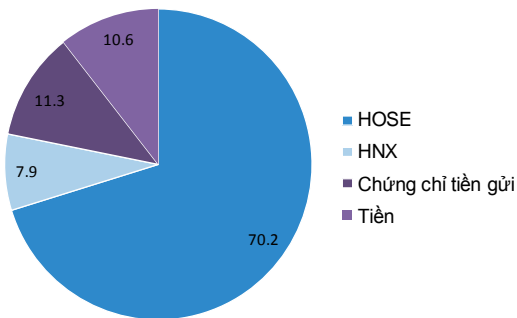
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	9.2
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.5
MBB	Ngân Hàng	HOSE	5.0
HPG	Vật Liệu	HOSE	4.4
DBC	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HNX	4.2
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	3.8
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	3.5
KDH	Bất Động Sản	HOSE	3.4
VIC	Bất Động Sản	HOSE	3.1
CII	Vận Tải	HOSE	3.0

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	10.3	8.6
P/E	8.8	11.1
P/B trung vị	1.9	1.0
P/B	1.6	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.4	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	4.6	4.3
Số lượng cổ phiếu	28	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.8	17.7
Hệ số Sharpe	(0.6)	(0.9)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	300.3
Số lượng CCQ đang lưu hành	30,251,720.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,901.6
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,737.4
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	98.6

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Diễn biến nhanh và không thuận lợi của thị trường trong tháng 8 đã có tác động mạnh tới NAV của VF4. So với mức giảm 9.1% của thị trường trong tháng 8, NAV/ccq của VF4 giảm ít hơn 6.1% do danh mục của VF4 nắm giữ danh mục các cổ phiếu có cơ bản tốt và chịu ảnh hưởng ít xấu hơn trong giai đoạn thị trường bị bán tháo do yếu tố tâm lý. Diễn hình như các mã trong top 10 của VF4 không bị giảm giá trong tháng 8 là VNM (+3,5%) và NT2 (+1,9%). Hiện nay, chỉ số P/E của thị trường đang ở mức khá thấp, bình quân là 11 lần và trung vị là 8,6 lần. Trong khi kết quả về tăng trưởng lợi nhuận ròng và EPS của các doanh nghiệp đều đang ở mức rất khả quan. Riêng top 50 doanh nghiệp hàng đầu có mức tăng trưởng EPS tới hơn 14% trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước và xu hướng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong 6 tháng cuối năm. Thị trường chứng khoán trở nên hấp dẫn cho các cơ hội đầu tư mới. Do đó, VF4 dự kiến sẽ sử dụng 20% tiền khả dụng hiện tại tái cơ cấu lại danh mục với mục tiêu đem lại giá trị gia tăng cho danh mục.

Lũy kế từ đầu năm, VF4 có tăng trưởng 10,6%, hiện cao hơn 7% so với mức tăng của VNIndex là 3,5%.

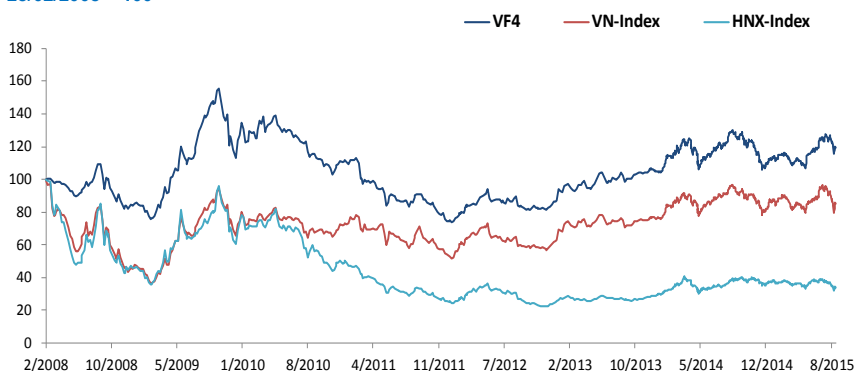
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	9,928.0	(6.1)	4.1	10.6	(8.9)	19.3 (*)
VN-Index	564.8	(9.1)	(0.8)	3.5	(11.3)	(14.9)
HNX-Index	76.9	(9.7)	(7.6)	(7.3)	(11.6)	(66.3)

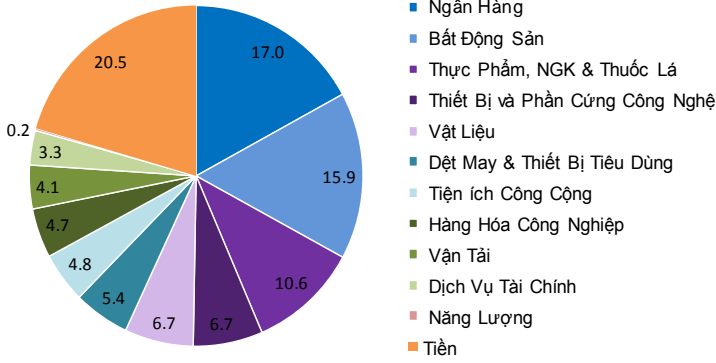
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



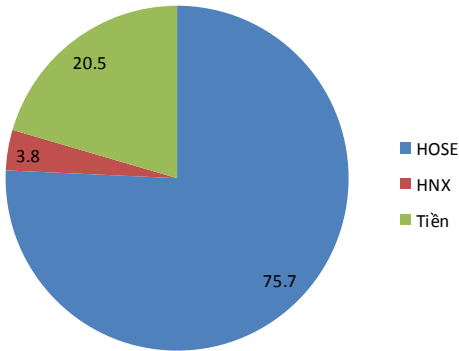
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	10.6
MBB	Ngân Hàng	HOSE	7.7
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.7
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	5.4
HPG	Vật Liệu	HOSE	5.2
VIC	Bất Động Sản	HOSE	5.0
NT2	Tiện ích Công Cộng	HOSE	4.8
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	4.3
CII	Vận Tải	HOSE	4.1
SJS	Bất Động Sản	HOSE	3.7

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	10.3	8.6
P/E bình quân gia quyền	9.6	11.1
P/B trung vị	1.5	1.0
P/B bình quân gia quyền	1.5	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	21.1	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	4.3	4.3
Số lượng cổ phiếu	21	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.9	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.4	17.7
Hệ số Sharpe	(0.8)	(0.9)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/04/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Đại lý chuyển nhượng	VSD
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPT
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	70.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	9,835,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,901.8
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	6,835.7
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.6
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	199.2

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 08 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam sụt giảm mạnh khi mà VN-Index giảm đến 9.1%. Cùng thời điểm chỉ số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30-Index cũng giảm mạnh với mức giảm 9.4%. Trong tháng nhóm cổ phiếu về năng lượng giảm nhiều nhất với mức giảm 15.0%. Nguyên nhân của sự giảm kéo dài trong tháng 8 được đánh giá do tác động của sự sụt giảm của giá dầu thế giới và tác động của chính sách điều chỉnh tỷ giá của đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc. Kết thúc tháng, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,129.6 đồng/ccq, giảm 5.8% so với tháng trước.

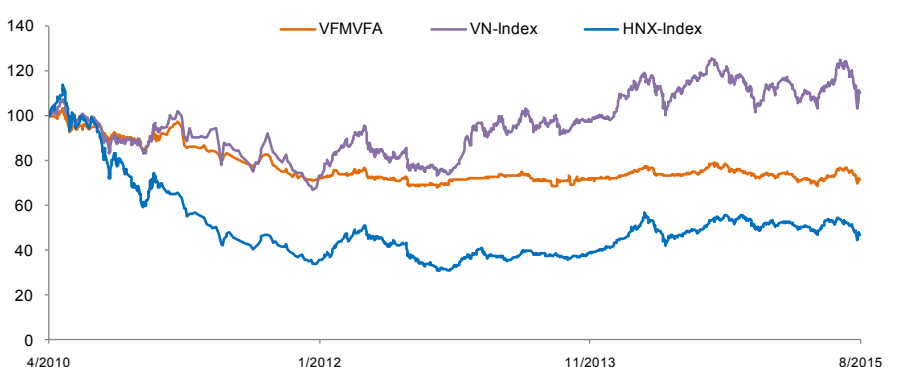
Trong tháng 08/2015, thị trường có xu hướng giảm rõ rệt tuy nhiên những ngày cuối tháng 08/2015 thị trường có xu hướng tăng điểm trở lại vì thế các chiến lược đã tăng mức đầu tư vào cổ phiếu. Cho nên cơ cấu tài sản của Quỹ có thay đổi so với tháng trước khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu tăng lên mức 68.2% NAV và còn lại 31.8% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

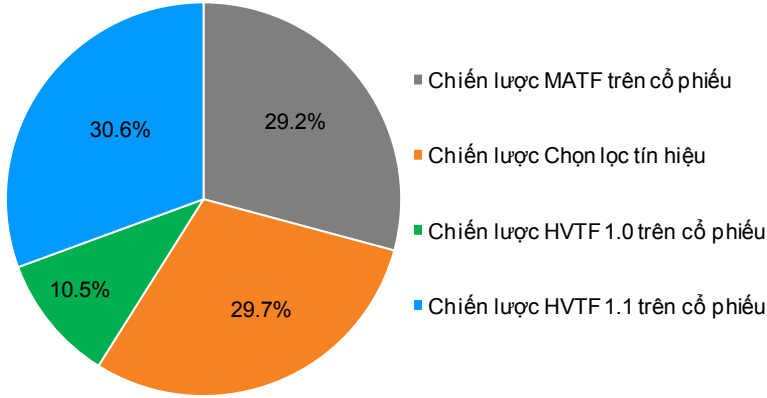
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
VFMVFA	7,129.6	(5.8)	(0.6)	(2.5)	(8.9)	(28.7)
VN-Index	564.8	(9.1)	(0.8)	3.5	(11.3)	10.6
HNX-Index	76.9	(9.7)	(7.6)	(7.3)	(11.6)	(53.1)
VN30-Index	586.2	(9.4)	(0.5)	(2.6)	(13.4)	9.7

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

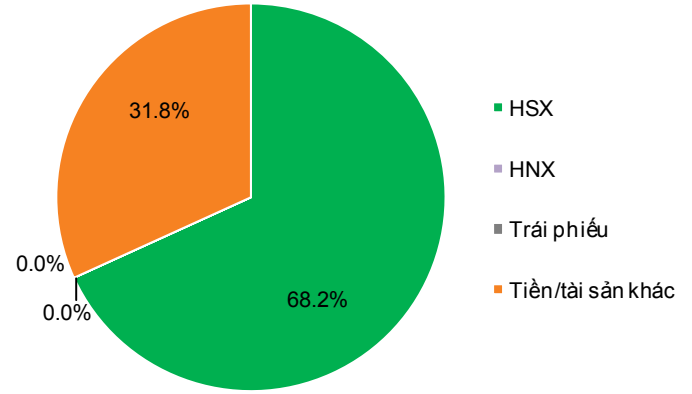
02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.5	1.0
Độ lệch chuẩn trung bình năm (%)	10.1	17.7
Hệ số Sharpe	(1.4)	(0.9)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VFB

Tháng 8 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thỏa mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VND)	92.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	7,556,008.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng	12,331.4
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng	11,262.8
Vòng quay tài sản trong năm	383.6

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư
 ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489
 Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tác động của tăng trưởng tín dụng, đặc biệt là việc điều chỉnh tỷ giá đồng Việt Nam với USD và đồng thời điều chỉnh biên độ giao dịch (xem đồ thị trang 2) đã làm cho thị trường giao dịch trái phiếu biến động mạnh trong tháng 8 2015. Các tổ chức tham gia thị trường đều giao dịch với thái độ dè dặt. Việc Kho bạc nhà nước tăng lãi suất trúng thầu phát hành sơ cấp TPCP kỳ hạn 5 năm (là kỳ hạn phát hành chủ yếu) lên 6,5% sau đó lại điều chỉnh xuống mức 6,4% trong hai phiên liên tiếp đã làm cho thị trường thêm biến động. Phát hành sơ cấp TPCP tiếp tục không thành công trong tháng 8. Tuy nhiên giá trị giao dịch toàn thị trường thứ cấp đã có sự cải thiện khi đạt mức 46.210 tỷ, tăng 33,7% so với tháng 7 2015, với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 2200 tỷ. Mức giao dịch trong tháng 8 chỉ tương đương 84% giá trị giao dịch bình quân tháng trong 6 tháng đầu năm 2015 và giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng 8 cũng chỉ đạt 79% giá trị giao dịch bình quân phiên trong giai đoạn nêu trên.

Lợi suất trái phiếu TPCP tăng trên tất cả các kỳ hạn trong tháng 8. TPCP kỳ hạn 10 năm và 5 năm có mức tăng cao nhất ở mức 34 và 18 điểm cơ bản. Đối với TPCP kỳ hạn 5 năm, chênh lệch giữa lợi suất trúng thầu sơ cấp và lợi suất giao dịch trên thị trường thứ cấp lên tới 30 điểm tại một số thời điểm và chênh lệch giữa lợi suất chào mua-bán trên thị trường thứ cấp cũng giao động ở mức cao, phổ biến ở mức 20 tới 25 điểm cơ bản trong nửa sau tháng 8 2015. Giao dịch trên thị trường chủ yếu tập trung vào các kỳ hạn ngắn dưới 3 năm (51% tổng giá trị giao dịch trong tháng) do các tổ chức tham gia đều cố gắng giảm rủi ro cho danh mục đầu tư trái phiếu.

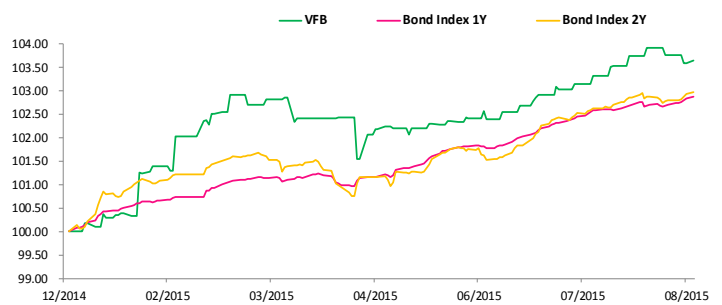
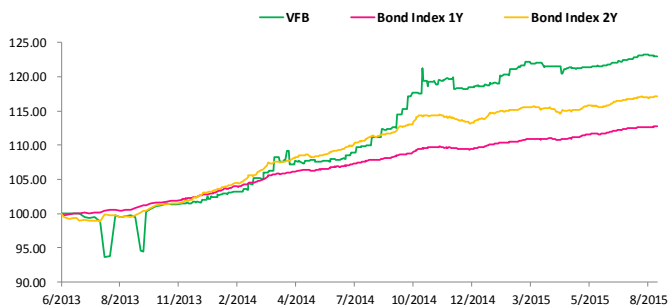
Tại 31/8/2015, giá trị NAV/CCQ Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt nam đạt 12,299.45 đồng, tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 9,36% so với tháng 8 2014. Trong tháng 8, quỹ VFMVFB đã thực hiện thanh lý khoản đầu tư vào TPCP kỳ hạn 5 năm để bảo toàn giá trị khoản đầu tư. Tại thời điểm 31/8/2015, quỹ nắm giữ tiền mặt và chứng chỉ tiền gửi. Việc tái đầu tư vào trái phiếu chính phủ là ưu tiên trong các lựa chọn đầu tư của quỹ trong thời gian tới.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,299.5	0.1	1.2	3.6	23.0
Bond-Index 1 năm	202.7	0.3	1.1	2.9	12.8
Bond-Index 2 năm	217.9	0.3	1.2	3.0	17.2

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

Biểu đồ trái: kể từ khi thành lập quỹ; Biểu đồ phải: trong năm 2015



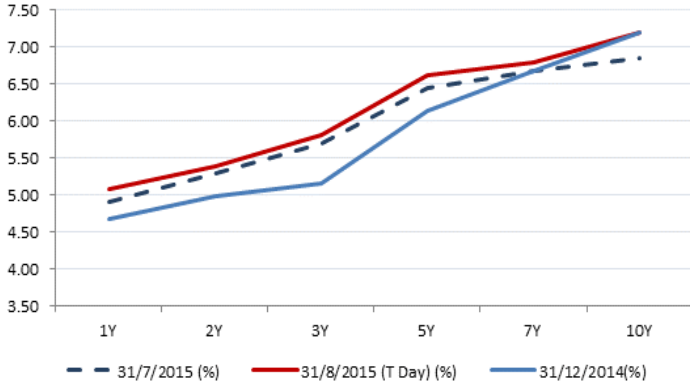
Ghi chú

(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mức bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên. NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

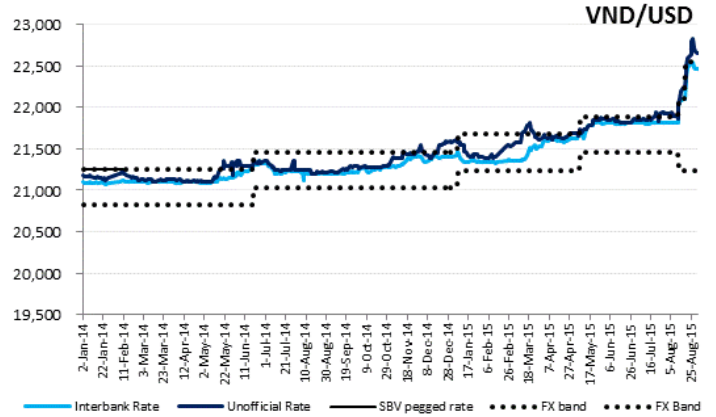
(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital Group.

THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

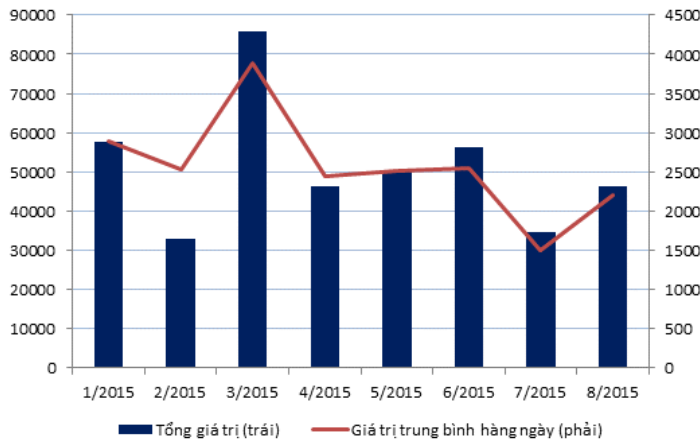


TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

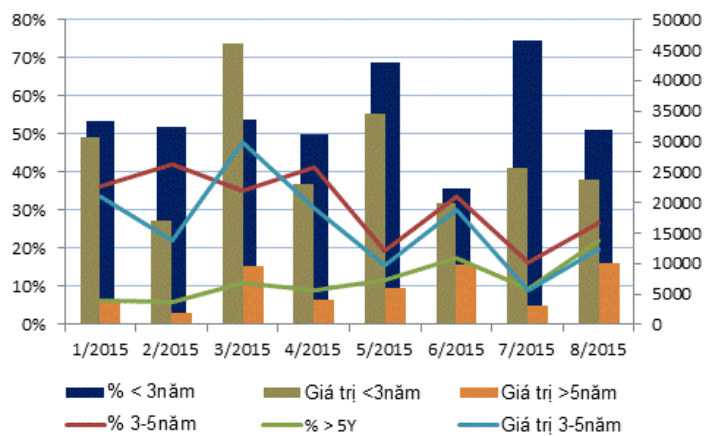


Biến động lợi suất TPCP các kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm
31/12/2014(%)	4.67	4.99	5.16	6.15	6.69	7.21
31/7/2015 (%)	4.91	5.30	5.69	6.45	6.68	6.86
14/8/2015 (%)	5.00	5.32	5.72	6.53	6.70	6.86
31/8/2015 (T Day) (%)	5.08	5.39	5.82	6.63	6.80	7.19
T Day -14 Change (Bp)	8.13	7.08	10.38	10.00	10.00	33.88
T Day -30 Change (Bp)	16.88	9.00	13.25	18.00	12.50	33.58
T Day - 31/12/2014 Change (Bp)	41.25	40.00	65.63	47.87	11.50	(1.12)

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRỰC TIẾP TRÁI PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP NĂM 2015 (tỷ đồng)



GIÁ TRỊ VÀ TỶ TRỌNG GIAO DỊCH TP CÁC KỲ HẠN NĂM 2015



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

ETF VFMVN30

Tháng 08 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFN30
Mã trên Bloomberg	E1VFN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC
Tổ chức tạo lập thị trường	HSC
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	253.2
Số lượng CCQ đang lưu hành	27,400,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,331.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,531.4
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.14
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	1.06

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. **Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu đối với Quỹ ETF VFMVN30.**

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

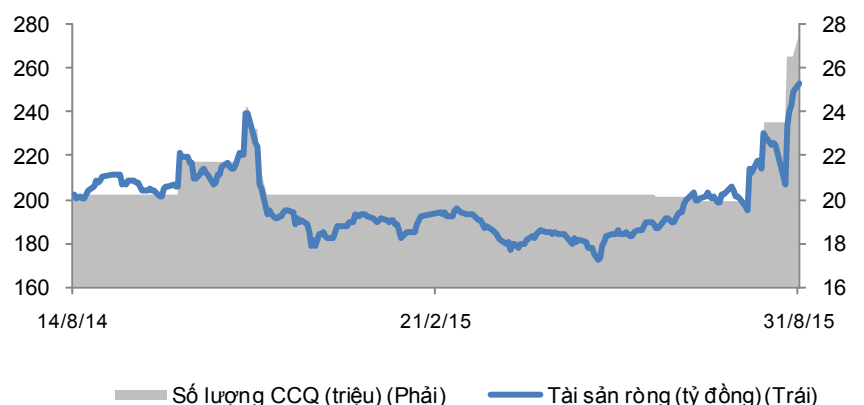
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,240.0	(8.1)	1.4	(0.8)	(11.5)	(7.6)
VN30-Index	586.2	(9.4)	(0.5)	(2.6)	(13.4)	(9.8)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

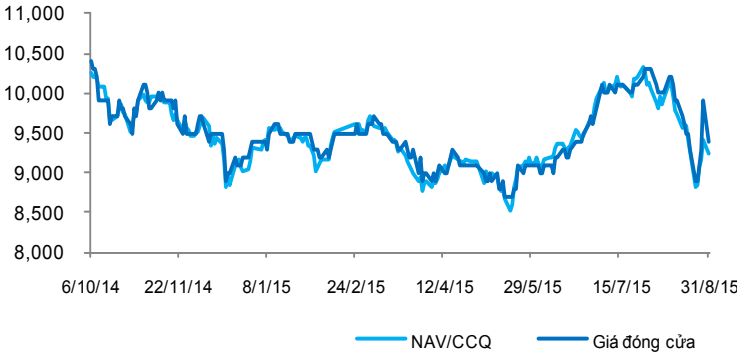
14/08/2014 = 100



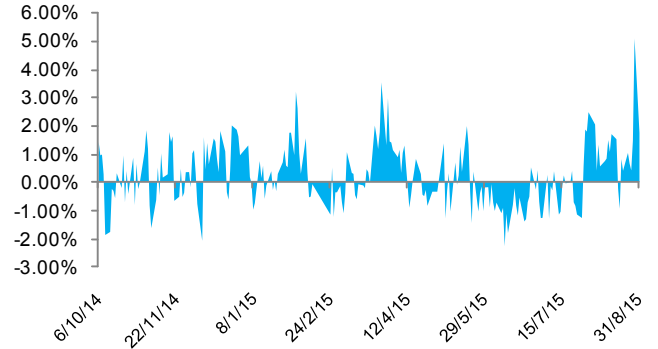
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



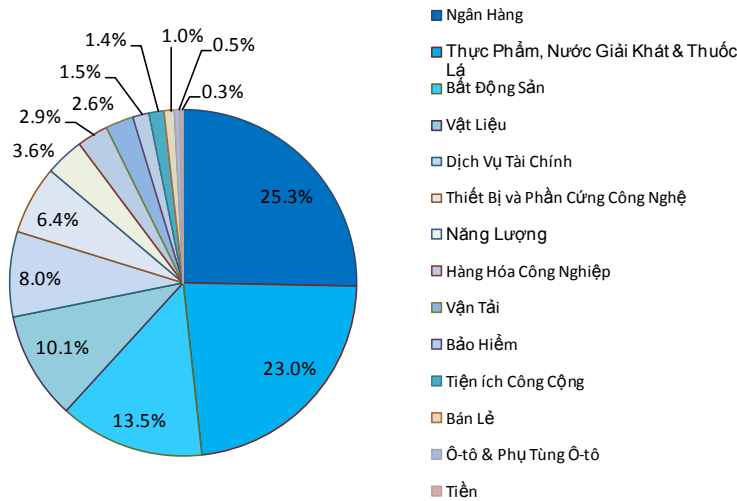
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	4.08
Hệ số P/E	10.61
Hệ số P/B	1.60
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.9
Tỷ lệ Sharpe	(0.9)

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	286,262	28.6	11.3%	100.0%	BVH	82,990	3.9	1.5%	50.7%
VIC	655,604	27.2	10.7%	71.3%	GMD	106,550	3.5	1.4%	100.0%
MSN	299,010	24.1	9.5%	73.9%	KBC	286,580	3.5	1.4%	60.3%
STB	1,054,450	17.5	6.9%	30.3%	FLC	518,032	3.5	1.4%	25.4%
HPG	540,830	16.8	6.6%	81.4%	KDC	129,240	3.3	1.3%	54.4%
FPT	366,863	16.2	6.4%	100.0%	CII	129,520	3.0	1.2%	88.3%
VCB	328,000	13.9	5.5%	70.3%	HSG	70,800	2.9	1.2%	87.4%
EIB	1,059,040	12.3	4.9%	87.8%	HCM	62,350	2.5	1.0%	99.8%
MBB	808,551	11.5	4.5%	100.0%	HHS	156,462	2.4	1.0%	52.8%
SSI	433,718	11.2	4.4%	98.7%	ITA	460,790	2.4	0.9%	33.8%
CTG	458,330	8.8	3.5%	98.4%	HVG	138,950	2.2	0.9%	44.9%
PVD	214,222	7.8	3.1%	76.8%	PPC	96,940	1.8	0.7%	30.9%
HAG	434,080	6.4	2.5%	57.9%	VSH	126,000	1.8	0.7%	55.6%
DPM	185,800	5.7	2.3%	54.2%	PVT	124,640	1.3	0.5%	32.2%
REE	197,200	5.0	2.0%	100.0%	CSM	45,754	1.3	0.5%	33.0%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

TRỤ SỞ CHÍNH

Phòng 1701-04, Lầu 17 Tòa nhà Mê Linh Point
2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Đường dây nóng: +84 8 3825 1480

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Phòng 903, Lầu 9 Tòa nhà BIDV
194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com